

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT
VÀ CÁC TIÊU CHUẨN
(Kèm theo thư mời chào giá số : 16/4/RHMTW-ĐVMS ngày 29/10/2025)

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
1	Ghế nha khoa đa chức năng	I. Yêu cầu nội dung Năm sản xuất: 2024 trở về sau, thiết bị mới 100% Nhà sản xuất phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 13485; ISO 9001; FDA hoặc tương đương Nhà cung cấp phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc của đại lý độc quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam Điện áp: 110V- 240V, 50Hz/60Hz, 3A. Nguồn cung cấp hơi: + Áp suất hơi vào: Từ ≥ 06 đến ≥ 08 bar + Lưu lượng hơi xả tối đa ≥ 82 l/phút Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa $\geq 400^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa $\geq 75\%$ II. Yêu cầu cấu hình: 1. Ghế máy bệnh nhân: 01 chiếc - Hệ thống ghế nâng, hạ bằng động cơ điện: 01 bộ - Tựa đầu có ≥ 2 khớp nối: 01 chiếc - Tựa tay trái: 01 cái - Tựa tay phải: 01 cái - Nệm ghế: 1 bộ 2. Hệ thống phân phối hơi nước trên tay nắm dụng cụ - Bàn phím điều khiển cảm ứng cho toàn bộ hệ thống: 01 - Tay xịt ≥ 03 chức năng: 01 cái - Dây và chuôi tay khoan 6 lỗ: 02 bộ - Dây và chuôi tay khoan 4 lỗ: 01 bộ - khay để dụng cụ: 01 cái 3. Hệ thống bồn nhỏ và hệ thống phụ trợ - Bàn phím điều khiển cảm ứng cho mâm phụ tá: 01 cái - Ống hút phẫu thuật: 01 cái	Cái/bộ	08

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		- Ống hút nước bọt: 01 cái - Tay xịt $\geq$ 03 chức năng: 01 cái - Bồn nhỏ: 01 cái 4. Hệ thống đèn soi miệng bệnh nhân Hệ thống đèn LED soi miệng: 01 bộ 5. Pedan điều khiển bằng chân (Foot Control): Pedal (điều khiển chân) có $\geq$ 10 chức năng: 01 cái 6. Ghế bác sỹ: 01 chiếc III. Chỉ tiêu kỹ thuật 1. Hệ thống ghế máy bệnh nhân Có hệ thống ghế nâng, hạ bằng động cơ điện Tựa đầu có $\geq$ 2 khớp nối, để điều chỉnh cho bệnh nhân có chiều cao khác nhau. Khả năng chịu tải tối đa của ghế $\geq$ 190 kg Tựa tay: + Tựa tay trái, tựa tay phải có thể di chuyển lên xuống. + Khả năng chịu tải tối đa $\geq$ 68kg Chiều cao nâng hạ ghế tính từ mặt sàn từ $\leq$ 370 mm đến $\geq$ 800 mm Có $\geq$ 06 chương trình lập trình định vị tùy theo tư thế ngồi làm việc của người dùng (Cài đặt dành riêng cho từng người dùng): + Cài đặt vị trí nâng ghế (vị trí A) + Cài đặt vị trí nâng tựa lưng (vị trí B) + Cài đặt vị trí hạ ghế (vị trí C) + Cài đặt vị trí ngả tựa lưng (vị trí D) + Cài đặt vị trí vị trí súc miệng. + Cài đặt vị trí ban đầu Có chức năng đưa bệnh nhân về vị trí cấp cứu. Có chức năng cài đặt phần trăm tốc độ quay tối đa của mũi khoan nhằm giải phóng áp lực điều khiển bằng pedan. Có $\geq$ 03 cảm biến an toàn: + Tại vị trí chân để giúp ghế dừng di chuyển khi gặp vật cản. + Tại vị trí tựa lưng giúp tựa lưng dừng di chuyển khi gặp vật cản.		

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Tại vị trí mâm phụ tá giúp cân mâm dừng di chuyển khi gặp vật cản. 2. Hệ thống mâm tay khoan Có ≥ 01 bàn phím điều khiển cảm ứng và tích hợp ≥ 01 màn hình đọc phim X-quang Bàn phím điều khiển có ≥ 19 chức năng sau: + Chức năng làm sạch + Chức năng điều khiển tốc độ quay của Micromotor (nếu có Micromotor) + Chức năng tắt/ mở đèn cho tay khoan + Chức năng tắt/ mở đèn điều trị bệnh nhân. + Chức năng điều khiển nước ra ly + Chức năng tắt/ mở nước xả bồn nhỏ + Chức năng đưa ghế về vị trí nước súc miệng + Chức năng nâng ghế + Chức năng nâng tựa lưng + Chức năng hạ ghế + Chức năng ngả tựa lưng + Chức năng đưa ghế về vị trí cấp cứu khẩn cấp + Chức năng đưa ghế về vị trí ban đầu + Chức năng lưu nhớ vị trí cài đặt của ghế + Chức năng gọi hỗ trợ + Chức năng tắt/mở hệ thống làm sạch các thiết bị (tùy chọn thêm). + Chức năng điều khiển giảm giá trị cài đặt + Chức năng điều khiển tăng giá trị cài đặt + Chức năng tắt/ mở đèn đọc phim X-quang Số vị trí gác dụng cụ ≥ 05 vị trí. + 01 vị trí tay xịt ba chức năng (hơi, nước, phun sương) + 02 vị trí dây tay khoan nhanh 06 lỗ có đèn. + 01 vị trí dây tay khoan chậm 04 lỗ. + 01 vị trí trống (sẵn sàng cho nâng cấp micromotor, cạo vôi, đèn trám, ...) Có ≥ 01 khay đựng dụng cụ để được ≥ 02 kg dụng cụ Khay đựng dụng cụ có bề mặt hỗ trợ rộng không gây trở ngại cho bệnh nhân. Có thể được định vị và di chuyển theo chiều ngang.		

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		Có ≥ 01 bộ lọc dầu trong khí hồi lưu của hệ thống tay khoan. Có ≥ 01 hệ thống van 1 chiều đảm bảo nước không bị hút ngược 3. Hệ thống bồn nhỏ và hệ thống phụ trợ Hệ thống phụ tá: ≥ 04 vị trí gác dụng cụ: + 01 vị trí gác ống hút phẫu thuật + 01 vị trí gác ống hút nước bọt + 01 vị trí gác tay xịt 3 chức năng + 01 vị trí gác dự phòng (sẵn sàng cho nâng cấp đèn trám, ...) Bồn nhỏ được làm bằng sứ, và xoay được $\geq 305^\circ$ Có bồn nhỏ, vòi cung cấp nước tháo rời được để thuận tiện cho việc vệ sinh. Sử dụng hệ thống hút chân không cho hút nước bọt và hút phẫu thuật được điều khiển bằng công tắc tự động, có thể chỉnh lưu lượng hút, có thể tháo rời, dễ dàng vệ sinh. Có con lăn trượt giữ các ống hút-tránh rơi vỡ Có làm khô đường ống hút bằng cách sử dụng độ trễ trong dừng tự động hệ thống hút Có dừng bằng chân: tích hợp ≥ 03 chức năng + Chức năng dừng an toàn + Chức năng kích hoạt hệ thống hút + Chức năng tắt hệ thống hút Bàn phím điều khiển cảm ứng, có ≥ 12 chức năng sau: + Chức năng tắt/mở hệ thống S.S.S- hệ thống làm sạch các thiết bị (tùy chọn thêm) + Chức năng tắt/mở nước ra ly. + Chức năng tắt/mở nước ra bồn nhỏ. + Chức năng vệ sinh thiết bị (tùy chọn thêm) + Chức năng ngả tựa lưng. + Chức năng tắt/ mở đèn điều trị + Chức năng nâng ghế. + Chức năng hạ ghế. + Chức năng đưa ghế về vị trí nước súc miệng + Chức năng nâng tựa lưng. + Chức năng đưa ghế về về vị trí ban đầu.		

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		+ Chức năng tiết kiệm năng lượng (có đèn Led cảnh báo) 4. Hệ thống đèn nha khoa Đèn sử dụng công nghệ LED: 06 bóng Hệ thống đèn điều trị có ≥ 03 trục quay giúp điều chỉnh phù hợp với mọi vị trí làm việc. Cường độ ánh sáng: $\leq 7,000$ đến $\geq 40,000$ Lux Có điều khiển tắt, mở đèn bằng cảm ứng Tay cầm có thể tháo rời để vệ sinh. 5. Pedan điều khiển bằng chân (Foot Control): Pedal (điều khiển chân) có ≥ 10 chức năng sau: + Điều khiển chuyển động của ghế + Điều chỉnh tốc độ/ công suất của các thiết bị trên mâm điều trị + Tắt/ mở nước tay khoan + Tắt/ mở hơi phun sương (chip-air) + Tắt mở chức năng phun nước trên tay khoan + Tắt mở chức năng thổi khí trên tay khoan + Đưa ghế về vị trí súc miệng + Đưa ghế về vị trí tự động A + Đưa ghế về vị trí nghỉ + Đưa ghế về vị trí tự động B 6. Ghế bác sỹ Tải trọng tối đa: $\geq 135\text{kg}$ Chân đế có ≥ 05 bánh xe có phanh Tựa lưng điều chỉnh độ cao lên/ xuống: $\geq 60\text{mm}$ Góc điều chỉnh tựa lưng: $\geq +11^\circ / \leq -9^\circ$		
2	Máy cắt cone có chức năng lên nhiệt	I. Yêu cầu chung Năm sản xuất: 2024 trở về sau, thiết bị mới 100% Nhà sản xuất phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 13485; ISO 9001; FDA hoặc tương đương Nguồn: + vào: 100 - 240 V + Ra: DC 9V, 1.8 A Nhà cung cấp phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc của đại lý độc quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam II. Yêu cầu cấu hình: Súng bơm: 01 cái	Cái/bộ	06

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		Thân máy lên: 01 cái Đế sạc: 01 cái Đầu lên: 01 cái Hộp đầu bơm: 01 hộp Dụng cụ uốn cong: 01 cái Dụng cụ làm sạch: 01 cái Dây sạc: 01 cái Hộp côn khối: 01 hộp Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ III. Chỉ tiêu kỹ thuật Dùng trám bít ống tùy răng Thân máy có khả năng kháng hóa chất. Nguồn điện sử dụng: $\geq 220\text{v} - 240\text{V}$ Tần số: 50/60 Hertz Thời gian làm nóng: + Súng bơm: ≤ 35 giây + Thân máy lên: ≤ 1 giây Thời gian hoạt động: + Súng bơm: liên tục trong ≥ 1 giờ. + Thân máy lên: liên tục trong ≥ 1.5 giờ		
3	Motor điện	I. Yêu cầu chung Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau, mới 100% Nhà sản xuất phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 13485; ISO 9001; FDA hoặc tương đương Nhà cung cấp phải có giấy ủy quyền của nhà sản xuất hoặc của đại lý độc quyền của nhà sản xuất tại Việt Nam Môi trường sử dụng * Nhiệt độ: $+5^{\circ}\text{C} \sim +40^{\circ}\text{C}$ * Độ ẩm: $30\% \sim 75\%$ * Áp suất không khí: $70\text{kPa} \sim 106\text{kPa}$ II. Yêu cầu cấu hình Máy chính: 01 Cái Dây motor: 01 Cái Phụ kiện đi kèm III. Chỉ tiêu kỹ thuật 1. Máy chính Điện áp: 100 - 240VAC Tần số: 50Hz/60Hz Kích thước máy chính (Dài x Rộng x Cao): $\leq 155\text{mm} \times 170\text{mm} \times 230\text{mm}$ Công suất đầu vào: $\leq 180 \text{ VA}$ Lưu lượng nước làm mát ở 100% thể tích (chế độ phẫu thuật): $\geq 120\text{ml/phút}$ Màn hình cảm ứng LCD ≥ 5 inch	Cái/bộ	11

BỆNH
 TĂNG -
 THUYỀN
 PHỒ

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng
		Chương trình được cài đặt sẵn ≥ 6 Chương trình Chế độ ≥ 02 + Phục hồi + Phẫu thuật Tỉ lệ truyền: ≥ 8 + Chế độ phục hồi: 1:1, 1:4.2, 1:5. 16:1 + Chế độ phẫu thuật: 1:1, 1:3, 1:4.2, 1:5 2. Dây motor Mô-men xoắn cực đại trên động cơ: $\geq 3.5\text{N.cm}$ Tốc độ motor (không tải): 1000-41.000 vòng/phút Trọng lượng motor: $\leq 70\text{g}$ Kích thước motor: ($\varnothing \times L$): $\leq 25\text{mm} \times 80\text{mm}$ Khớp nối: Theo tiêu chuẩn ISO3964 (YY1012) Tiếng ồn động cơ: $\leq 50\text{dB}$ (theo tiêu chuẩn YY0836) Cáp dài: $\geq 1.8\text{m}$ 3. Phụ kiện Bình chứa nước: 01 cái Bàn đạp chân: 01 Cái Cáp dài $\geq 2.8\text{m}$ Móc treo bàn đạp: 01 Cái Móc treo nước muối: 01 Cái Giá đỡ động cơ: 01 Cái		

Y
VIỆN
ÂM-L
TƯON
I MI